

DANH SÁCH HỌC PHÍ - HK2/2019-2020

CT LK ĐÀO TẠO CN KH NGÀNH CNTT VỚI TRƯỜNG ĐH CLAUDE BERNARD LYON I, CH PHÁP
KHÓA 18

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	HP HK	GIẢM 7%	TỔNG HP SAU GIẢM
1	18126002	Nguyễn Thanh Trang	10,000,000	700,000	9,300,000
2	18126005	Nguyễn Hoàng Long	10,000,000	700,000	9,300,000
3	18126006	Thái Hoàng Nhân	10,000,000	700,000	9,300,000
4	18126007	Phạm Võ Đức Phong	10,000,000	700,000	9,300,000
5	18126008	Lê Bá Quốc	10,000,000	700,000	9,300,000
6	18126009	Trần Quốc Tiến	10,000,000	700,000	9,300,000
7	18126011	Trần Khánh Gia Uy	10,000,000	700,000	9,300,000
8	18126012	Huỳnh Ngọc An	10,000,000	700,000	9,300,000
9	18126014	Lương Long Hà	10,000,000	700,000	9,300,000
10	18126015	Nguyễn Thị Ngọc Hân	10,000,000	700,000	9,300,000
11	18126017	Trần Thị Ngọc Huyền	10,000,000	700,000	9,300,000
12	18126018	Phạm Nguyễn Nhật Khan	10,000,000	700,000	9,300,000
13	18126019	Nguyễn Trọng Khang	10,000,000	700,000	9,300,000
14	18126020	Trần Bảo Khánh	10,000,000	700,000	9,300,000
15	18126021	Đỗ Minh Khoa	10,000,000	700,000	9,300,000
16	18126023	Đặng Diễm Linh	10,000,000	700,000	9,300,000
17	18126025	Nguyễn Nhật Minh	10,000,000	700,000	9,300,000
18	18126026	Nguyễn Lê Hoàng Nam	10,000,000	700,000	9,300,000
19	18126028	Nguyễn Đức Phú	10,000,000	700,000	9,300,000
20	18126029	Nguyễn Sang	10,000,000	700,000	9,300,000
21	18126031	Trương Lê Huỳnh Thắng	10,000,000	700,000	9,300,000
22	18126032	Đỗ Nguyễn Minh Thành	10,000,000	700,000	9,300,000
23	18126033	Lê Thị Anh Thi	10,000,000	700,000	9,300,000
24	18126034	Đoàn Nam Thuận	10,000,000	700,000	9,300,000
25	18126035	Đinh Viết Trung	10,000,000	700,000	9,300,000
26	18126036	Phan Bình Duy Uyên	10,000,000	700,000	9,300,000
27	18126037	Đinh Thành Việt	10,000,000	700,000	9,300,000
28	18126038	Dương Quang Vinh	10,000,000	700,000	9,300,000
29	18126039	Trương Chí Vỹ	10,000,000	700,000	9,300,000
30	18126040	Nguyễn Thị Xuân	10,000,000	700,000	9,300,000

Ngày tháng năm 2020

Người lập bảng

Bùi Thị Kim Ngân